



St-Takla.org

www.chronozoom.com

BÀI 1- Chúa Giêsu đã² được CHA Trời cho Sống Lại Trọn Vẹn và đã² được cho Sống Lại Mỗi Mỗi

MỘT VÀI BƯỚC CẦN ĐỀ HỌC HỎI LỜI CHÚA NOVA VULGATA

BƯỚC # 1 : Xin thử viết và đọc " đã¹, đã² & đã³ ..."

Mừng Lễ Phục Sinh 2015

LsNguyenCongBinh@gmail.com

Các thánh Mattheu, LuCa, Marco, Gioan, Phaolô ghi lại **Lời Chúa Tân Ước** bằng tiếng Hy Lạp (Greek); từ thế kỷ thứ tư thì Mẹ Hội Thánh chuyển **Lời Chúa** sang Latin, nay là bản **Nova Vulgata** được ĐTC thánh Gioan Phaolo ban hành năm 1979. **Lời Chúa có thể dịch sang tiếng Việt** khi ta hiểu được một vài quy luật văn phạm Hy Lạp cần thiết. Chẳng hạn bất cứ điều gì **đã xảy ra** trong quá khứ thì ta chẳng nên chỉ đơn sơ dịch là "đã" mà có thể phá lệ thêm ký hiệu vào chữ **đã** ra **đã¹, đã², đã³** ...v.v... và thêm trạng tự để đạt được ý nghĩa tác giả muốn trình bày. Tuy văn phạm Hy Lạp, Latin hay Anh Pháp nghe ra hao hao giống nhau song thực ra có những khác biệt trầm trọng - ví dụ thời perfect/ parfait theo mỗi văn phạm có quy luật riêng hoàn toàn khác nhau- cho nên cần tránh áp dụng các văn phạm ấy vào bản văn Hy Lạp vì ta sẽ hiểu **Lời Chúa** cách thiếu sót.

I. Khi diễn tả **hành động x** đã xảy ra một cách đơn thường - trong quá khứ- thì tác giả Lời Chúa chia động tự theo **thời aorist** (aorist tense/ quá khứ đơn/simple past). Ta dịch ra cách đơn sơ là **đã1**:

Vd trong **1Co 15:3** |**Chúa GiêSu đã1 chịu chết** [trong ngày#1]
và đã1 chịu mai táng trong mộ [trong ngày#2]

Các điều ấy đã xảy ra tuần tự trong quá khứ theo thời gian như Lời Thánh Kinh - là Lời Chúa CHA ban, đã được các thánh tiên tri tiên báo, cũng như được ghi chép cả hàng ngàn năm trước.

II. Song khi diễn tả (a) **hành động y** đã xảy ra mà
(b) **đồng thời hành động y** ấy còn tạo ra một **kếtquả z tron ven**,
(c) và **kếtquảZ** ấy mãi kéo dài đến hiện tại

thì tác giả Lời Chúa chia động tự theo **thời past perfect**: quá khứ trọn vẹn /past with a perfected result. Xin dịch ra cách đơn sơ là **đã2** chiều (a) vừa cho biết hành động đã chấm dứt (b) lại cho biết kết quả hành động ấy tạo ra đã trọn vẹn cho đến nay. Viết như vậy thì tuy đủ song quá dài nên xin viết tắt là "**đã2**" và thêm vào 2 trạng tự **trọn vẹn** và **mãi mãi** vì **kếtquảZ** đã được **perfect trọn vẹn**; và vì **kếtquảZ** mãi kéo dài từ quá khứ đến hiện tại và sẽ còn kéo dài đến tương lai.

III. Chữ **ĐÃ3** nói về một hành động đã tạo ra một kết quả song **kết quả CHƯA trọn vẹn/ im-perfect**. Xin dành cho bài sau.

Tôi xin trình bày cách đơn sơ để ai ai cũng dễ hiểu quy luật văn phạm giản dị ấy mà cổ nhân đặt ra trước ngày Chúa giáng sinh. Nếu chưa rõ sẽ nói thêm. Chỉ riêng văn phạm Hy Lạp có quy luật đặc biệt này. Văn phạm Anh Pháp *không có cách viết đặc biệt ấy cho nên các bản dịch Anh Pháp cũng nên thêm chữ gì đó để Lời Chúa được hiểu trọn vẹn (CƯỚC CHÚ)*

Vd1: LuCa 1:26&27 viết: **Đức Nữ Maria đã2 được MNHCTEYMENHN emnēsteumenēn desponsatam est đã2 được gả cưới trọn vẹn và mãi mãi cho chồng là GiuSe.** (Chúa Thánh Thần đã an bài đám cưới của hai vị đại thánh này làm nền chuẩn bị cho Chương Trình Cứu Độ. Song các bản dịch Anh Pháp Việt quên thêm 2 trạng tự **trọn vẹn và mãi mãi** vào câu dịch khiến ý nghĩa Lời Chúa không những không được hiểu trọn vẹn mà lại còn bị diễn dịch là đám cưới đã tình cờ xảy ra, rồi hành động của GiuSe bị xuyên tạc rất lung tung linh tinh. Xin bàn sau)

Vd2: Thánh Phaolô viết tiếp trong **1Co 15:4**
và rằng trong ngày thứ ba [ngày#3] Đức KÍTÔ
đã2 được CHÚA CHA cho egēgertai (Greek perfect tense) **sống-lai-tron-ven-và-mãi-**
mãi như ghi trong Sách Thánh:

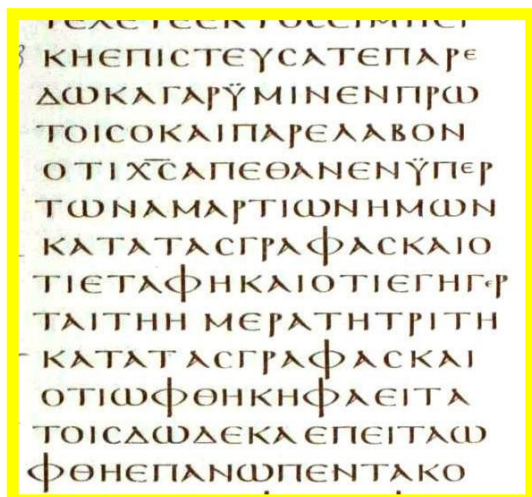
Khi thánh Phaolô chia động tự **egeiro sống lại** ra **egēgertai** (Greek perfect tense, passive voice) thì ngài muốn diễn tả nhiều điều:

(1) viết theo *thể thụ động/passive voice thời đã qua/* past. Khi ban ơn Sống Lại cho GiêSu thì CHA **chủ động**, GiêSu Con Người **thụ nhận** hồng ơn.

(2) viết theo *perfect tense*: **hành động CHA** ban ơn tạo ra **kết quả là ơn Sống Lại** đã được **perfect trọn vẹn** và **mãi mãi** kéo dài từ quá khứ đến hiện tại và sẽ còn kéo dài đến tương lai.

Chúa CHA đã2 dùng Vinh Quang chính Minh và Quyền Năng Chúa Thánh Thần
đã2 CHO CON NGƯỜI GIÊSU egēgertai sống lại trọn vẹn và mãi mãi:

Mong vấn đề văn phạm được xem là giản dị. Vậy chúng ta cùng đọc từng chữ thơ 1 Corintô đoạn 15: 3-5: Xin cảm tạ "New Testament Resources Store" CSNTM cho phép trích dẫn thơ 1 Corintô trong bản Tin Mừng Codex Vaticanus viết cách nay đã hơn 1650 năm http://images.csntm.org/Manuscripts/GA_03/GA_03_0122b.jpg]



line 1-2 **1Co 15:3 ΠΑΡΕΔΩΚΑ ΓΑΡ ΗΥΜΙΝ ΕΝ ΠΡΩΤΟΙΣ ΗΘΟΚΑΙ ΠΑΡΕΛΑΒΟΝ:**
paredôka gar humin en prôtois- ho kai parelabon: "Trước hết, tôi- Phaolo - truyền lại cho anh chị em điều mà chính tôi đã **1** lãnh nhận, đó là

line 4- 6 **ΟΤΙ Χ̄C ΑΠΕΘΑΝΕΝ ΥΠΕΡ ΤΩΝ ΗΜΑΡΤΙΩΝ ΗΜΩΝ**
hoti Christos apethanen huper tôn hamartiôn hêmôn –
rằng Đức Kitô đã 1 chịu chết - [trong ngày#1] vì tội lỗi chúng ta;
ΚΑΤΑ ΤΑΣ ΓΡΑΦΑΣ **kata tas graphas** đúng như [LỜI CHÚA CHA] được ghi trong Sách Thánh;

Line 6-7 **1Co 15:4 ΚΑΙ ΟΤΙ ΕΤΑΦΗ** **kai hoti etaphê**
và rằng [trong ngày#2] Ngài đã 1 chịu mai táng;

Line 7-9 **ΚΑΙ ΟΤΙ ΕΓΗΓΕΡΤΑΙ** **kai hoti egêgertai** (Greek perfect tense & Divine perfect tense)
và rằng Đức Kitô đã 2 được CHÚA CHA cho egêgertai (theo văn phạm Hy Lạp và cũng theo văn phạm TIẾNG NƯỚC TRỜI)
sống-lại-tron-ven-và-mãi-mãi.

ΤΗΜΕΡΑ ΤΗ ΤΡΙΤΗ – tê hêméra tê tritê trong ngày thứ ba [ngày#3]
ΚΑΤΑ ΤΑΣ ΓΡΑΦΑΣ **kata tas graphas**
đúng như [LỜI CHÚA CHA] được như ghi trong Sách Thánh:

Nay Mẹ Giáo Hội đọc ra Latin qua **Nova Vulgata** rằng:

1Co 15:3 **Tradidi enim vobis in primis, quod et accepi,**
"Trước hết, tôi- Phaolo - truyền lại cho anh chị em điều mà chính tôi **đã 1** lãnh nhận, đó là:

quoniam Christus mortuus est pro peccatis nostris secundum Scripturas

a. đó là đúng như lời CHA đã phán: Đức Kitô **đã 1** chịu chết [trong ngày#1] - vì tội lỗi chúng ta, như ghi trong Sách Thánh;

1Co 15:4 **et quia sepultus est**

b.và [trong ngày#2] Ngài **đã** chịu mai táng;

et quia suscitatus est tertia die

c. và Đức Giêsu Kitô **đã 2** được CHA cho

sống-lại-tron-ven-và-mãi-mãi **tertia die – ngày thứ ba**

secundum Scripturas như ghi trong Sách Thánh. (CƯỚC CHÚ)



The Ascension of the Lord

⁵ Rồi Ngài đã hiện ra cho Kêpha (Phero), đoạn cho nhóm Mười hai.

⁶ Rồi Ngài hiện ra cho hơn năm trăm anh em một lần, trong số đó phần đông hiện nay cũng còn sống, nhưng cũng có người đã yên nghỉ. ⁷ Rồi Ngài đã hiện ra cho Yacôbê; đoạn cho các tông đồ hết thầy.

⁸ Cuối hết Ngài đã hiện ra cho cả tôi nữa, không khác một đứa con ranh. ⁹ Vì tôi là người mạt nhất trong các tông đồ, và cũng không đáng gọi là tông đồ nữa, bởi tôi đã bắt bỏ Hội thánh của Thiên Chúa. ¹⁰ Hiện tôi có là gì, là bởi ơn Thiên Chúa, và ơn Người xuống cho tôi đã không ra hư luống; trái lại tôi đã tận lực lao công hơn họ hết thầy, song hẳn không phải tôi, nhưng có ơn Thiên Chúa với tôi. (Tân Ước LM Nguyễn Thế Thuấn)

[< Tranh holyecards.com]

Khi đọc tiếp tục đọc thư 1 Corinto thì ta sẽ thấy một điều lạ vì thánh Phaolo đã viết đi viết lại

Đức Kitô từ cõi chết đã2 được CHA cho egêgertai sống lại-trọn-ven-và-mãi-mãi

tất cả đến 7 lần trong cùng một đoạn 15 Corinto 1.

Ngài muốn ta đọc ít ra là 7 lần hay có ý nào khác thì tôi không rõ. Xin vị cao minh bổ túc thần học cho song tôi tin chỉ vì Phaolo muốn ta hiểu ngài được Ơn Trên mạc khải chớ không tự ý viết câu này và để ta mạnh tin thì ngài đã viết đi viết lại như thế. Con số 7 trong Thánh Kinh luôn được dùng như một biểu tượng **Trọn Ven -toàn thành -toàn thiện thuộc về Ý Thiên Chúa**. vd trái đất đã được tạo dựng trong 6 đoạn thời gian (6 ngày; ta đang ở trong thời #6) và sẽ tận cùng trong ngày #7.

Trước hết xin đọc lại hai câu 1Cor 15: 3-4 đã trưng

1Cor 15: 3-4 "Trước hết, tôi- Phaolo - truyền lại cho anh chị em điều mà chính tôi đã1 lãnh nhận, đó là:

a. đúng như lời CHA đã phán như ghi trong Sách Thánh :

Đức Giêsu Kitô đã1 chịu chết apethanen (đã1 aorist/simple past) - **vì tội lỗi chúng ta;**

b. và Ngài đã1 chịu etaphê (aorist/simple past) **mai táng;**

c. và đúng như lời CHA đã phán như ghi trong Sách Thánh kata tas graphas: - ngày thứ ba Đức Giêsu Kitô đã2 được CHA cho egêgertai (đã2 perfect tense)

sống-lại-trọn-ven-và-mãi-mãi.

Chúa giáng sanh Chúa chịu đánh đòn, chịu đóng đinh, chịu chết, chịu chôn dĩ nhiên đều là những biến cố trọng đại theo Ý Chúa CHA song thánh Phaolo phân biệt **các điều ấy ra 'đã1' xảy ra 1 lần là đủ** (viết theo aorist thời quá khứ đơn) so với sự kiện **Chúa 'đã2' sống lại trọn vẹn và mãi mãi.**

Xin đọc tiếp **1 Cor 15: 15-20** về **Ơn Sống Lại**.

1Corintô 15:12 Nhưng nếu chúng tôi rao giảng rằng Đức Kitô từ cõi chết **đã2 được CHA cho egêgertai** (đã2perfect tense) **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi**, thì sao trong anh chị em có người lại nói: không có chuyện kẻ chết sống lại (anastasis)?

1Corintô 15:13 Nếu kẻ chết không sống lại anastasis, thì Đức Kitô **đã2 không được CHA cho egêgertai** **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi**

1Corintô 15:14 Mà nếu Đức Kitô **đã2 không được CHA cho egêgertai** **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi**, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh chị em cũng trống rỗng.

1Corintô 15:16 Vì nếu kẻ chết không sống lại thì Đức Kitô cũng **đã2 không được CHA cho egêgertai** **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi**,

1Corintô 15:17 Mà nếu Đức Kitô **đã2 không được CHA cho egêgertai** **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi**, thì lòng tin của anh chị em thật hão huyền, và anh em vẫn còn sống trong tội lỗi của anh chị em.

1Corintô 15:20 Nhưng không phải thế! Đức Kitô đã **đã2 được CHA cho egêgertai** **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi** từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu.

Viết 7 lần nghĩ đủ để chúng ta hiểu mà tin vào **Lời CHA đã hứa**. CHA đầy Quyền Năng đã cho **Một Người Đầu Tiên bằng xương thịt tên GiêSu**, [vào khoảng năm 33 C.E] **sau khi đã1 chịu chết** [trong ngày#1] **và đã1 chịu mai táng trong mộ** [trong ngày#2] **thì ngày thứ ba Ngài đã2 được CHA cho sống lại, sống lại trọn vẹn, và kết quả của sự sống lại ấy kéo dài đến ngày hôm nay** (tức bây giờ là năm 2015) **và sẽ kéo dài đến mãi mãi để sống bên CHA là Đấng Hằng Sống trên Nước Trời.**

Sau đó CHA đã cho người thứ nhì là Đức Nữ Tinh Trong Maria được hưởng ơn ấy cùng với một số thánh.

- Đến đây chúng ta cùng nghe ĐTC Thánh GIOAN PHAOLO đọc tiếp Lời Chúa đoạn 15 thư Côrintô (1 Cor15: 21-24) về **Ơn Sống Lại cho chúng ta** theo **Nova Vulgata**:

Chúa GiêSu đã hứa nhờ Ngài chịu chết vì tội lỗi chúng ta, thì từng ông bà anh chị sẽ được sống lại trọn vẹn và mãi mãi như Ngài. Chúng ta mong chờ đến thứ tự của chính bản thân mình do CHA ấn định – tuy thứ tự mỗi người mỗi khác nhau -- song ta sẽ được **sống-lai-tron-ven-và-mãi-mãi** như Ngài

21 **Nunc autem Christus resurrexit a mortuis, primitiae dormientium.**

22 **Quoniam enim per hominem mors, et per hominem resurrectio mortuorum :**

sicut enim in Adam omnes moriuntur, ita et in Christo omnes vivificabuntur.



23 **Unusquisque autem in suo ordine** ;
- **primitiae Christus** ; (chấm phẩy#1 -câu chưa dứt)
- **deinde hi, qui sunt Christi, in adventu eius**
(chấm phẩy#2- câu chưa dứt tuy Nova Vulgata vẫn miễn cưỡng giữ cách đánh số cũ)

24 **deinde finis** , ngắt câu **cum tradiderit regnum Deo et Patri, cum evacuaverit omnem principatum et omnem potestatem et virtutem.**

21 **Ngày hôm nay, Đức Ki Tô- người đầu tiên trong mọi kẻ chết đã từ cõi chết mà sống lại -**

22 **Chết phát sanh từ một người thì Sống Lại cũng bởi một người mà ra !**
quả thế, mọi người vì liên hệ với Adam mà phải chết, thì mọi người nhờ liên hệ với Đức Kitô, cũng được Thiên Chúa cho sống.

23 **Song mỗi người theo thứ tự của mình :**

(a) - **primitiae Christus** **Người khởi đầu là Đức Kitô** ; (chấm phẩy #1- câu chưa dứt)

(b) **deinde hi, đoạn đến những người qui sunt Christi, là các đấng thuộc về Đức Kitô** , - **in adventu eius nhờ [công nghiệp] Ngài đã đến** ; (chấm phẩy #2- câu chưa dứt. Bản Cổ Vulgata đã theo bản Textus Receptus 1551 đặt dấu chấm tại đây và đánh số rồi rạc ra câu mới là 24 sai văn phạm và giáo lý . Điều này Nova Vulgata đã cải sửa lại: tuy Nova Vulgata giữ cách đánh số cũ song cố tình không viết hoa chữ "d" trong "deinde")

— 24- (c) **deinde finis** , ngắt câu **rồi thì đến lượt tất cả những kẻ còn lại** ,
cùng trong khi ấy Người trao vương quyền lại cho ĐỨC CHÚA TRỜI và là CHÚA CHA, khi Người đã tiêu diệt mọi thế lực, quyền năng và sức mạnh.

Gioan Phaolo : Đó là Lời Chúa!
Tất cả: TẠ ƠN CHÚA!

Đoạn 1 COR 15 trên đã được trình bày qua nhiều bài. Xin lập lại để chúng ta mạnh tin hơn và luôn trông cậy. Đầy đủ chi tiết hơn xin xem hai bài sau, có trưng bản Hy Lạp làm nền

Xin xem1 **ĐỨC MẸ ĐÃ SỐNG LẠI CHƯA?**

ĐỨC MẸ ĐÃ HỒN XÁC SỐNG LẠI RỒI, VÀ ĐANG VUI SỐNG TRÊN TRỜI.

http://www.congiaovietnam.net/upload/article/f_1384935665.pdf



Xin xem2 **CHÚA KITÔ VUA: VUA BAN ƠN SỐNG LẠI CHO MỌI NGƯỜI**

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=detail&ia=13075>

Ba ĐTC Phaolo VI, Gioan Phaolo II và Benedicto XVI đã ban cho ta **Nova Vulgata** (ban hành 1979 hoàn chỉnh 1986). Xin trích và đọc lại **Nova Vulgata** một lần nữa như sau: http://www.vatican.va/archive/bible/nova_vulgata/documents/nova-vulgata_nt_epist-i-corinthios_lt.html#15

20 Nunc autem Christus resurrexit a mortuis, primitiae dormientium.

21 Quoniam enim per hominem mors, et per hominem resurrection mortuorum;

22 sicut enim in Adam omnes moriuntur, ita et in Christo omnes vivificabuntur;

23 Unusquisque autem in suo ordine; primitiae Christus; deinde hi, qui sunt Christi, in adventu eius;

24 deinde finis, cum tradiderit regnum Deo et Patri, cum evacuaverit omnem principatum et omnem potestatem et virtutem.

Tôi đọc câu 23 trên theo Đức Tin Công Giáo rồi theo văn phạm - đánh màu các dấu ngắt câu- thì **Unusquisque autem in suo ordine** là *liền sau Đức Kitô mỗi người có thứ tự sống lại riêng*. Thứ tự sống lại cho những người đi đầu mà Chúa CHA ấn định ta phải tin là có Đức

Mẹ, Thánh Cả GiuSe rồi ...nhiều vị thánh theo từng đợt...Công nghiệp Chúa GiêSu quá lớn lao, Chúa CHA lại nhân từ và thương yêu chẳng bắt chúng ta chờ đợi lâu đâu. Câu **in adventu eius** nhờ /trong /vi / nhân sự đến của ngài, tôi xin thêm chữ *nhờ công nghiệp Chúa GiêSu đã đến* theo kiểu nói VN để diễn tả cho đủ **sự đến** là nhờ ơn Chúa đã chấp nhận sanh ra, chịu nạn, chịu chết, và sống lại. Chúa đã đi vào sự sống kể cả sự chết của nhân loại để ta được sống. Câu này có thể đọc và hiểu là:

(1) **in adventu eius** nhờ Chúa GiêSu đã **VÀNG THÁNH Ý CHA** đi đến với loài người

(2) hay *in adventu eius* nhờ Ngài đã đi vào Sự Sống của loài người;

(3) hay *in adventu eius* nhờ Ngài đã đi vào cả Sự Chết như ta;

(4) hay *in adventu eius* rồi nhờ Ngài đã đi vào Sự Sống Lại và Sự Sống Đời Đời cho ta cũng vì liên đới với Ngài mà sẽ được như vậy.

Khi đọc đoạn 1 COR 15: 21-24 trên tôi đã đơn sơ đọc với từng dấu chấm dấu phẩy trong **Nova Vulgata** của Ba ĐTC. Chẳng có lý do gì mà tôi nghi ngờ các ĐTC sai lầm song chỉ vì các học giả Công Giáo đã chấm câu cách khác, và theo anh em Tin Lành đọc ra kiểu khác rất mù mờ làm ta hoang mang không hiểu Đức Mẹ đã sống lại chưa:

Xin hỏi: ĐỨC MARIA MẸ CHÚA ĐÃ SỐNG LẠI CHƯA?

Phải chăng Kinh Thánh khẳng định Đức Nữ Maria đã được Đức Chúa Trời đặc cách cho sống lại trước chúng ta? Hay Đức Nữ phải chờ đến ngày tận thế khi Chúa GiêSu tái lâm- thì mới cùng được sống lại với chúng ta?

Xin Nova Vulgata dẫn giải.

Một anh Tin Lành thắc mắc: người Công Giáo chúng ta tin Đức Mẹ đã sống lại nay hồn+xác được rước lên Trời song anh đã chẳng thấy câu Kinh Thánh nào chứng minh rõ con người (hồn+xác) Đức Mẹ đã thực sự sống lại. Kinh Thánh không hề nói rõ Đức Mẹ đã được Đức Chúa Trời đặc cách cho sống lại trước chúng ta. Theo anh Tin Lành thì có lẽ "hồn Đức Mẹ" hiện ra thôi. Đức Mẹ phải ráng chờ đến ngày tận thế khi Chúa GiêSu trở lại hay sao? Anh xin tôi đọc 1COR15:22,23 và 24. Ta tin Lời Chúa thì chẳng sai lạc thế mà theo Thánh Kinh của chính người Công Giáo dịch thì niềm tin ta như 'vu vơ'!

Rằng:

1Cor 15: (22) Quả thế, như mọi người vì liên đới với Adam mà phải chết, thì mọi người nhờ liên đới với Đức Kitô, cũng được Thiên Chúa cho sống.

(23) Nhưng mỗi người theo thứ tự của mình: mở đường là Đức Kitô, rồi khi Đức Kitô quang lâm thì đến lượt những kẻ thuộc về Người. [chấm câu/hết ý.]

Sang câu mới số 24

(24) Sau đó mọi sự đều hoàn tất, khi Người đã tiêu diệt hết mọi quản thần, mọi quyền thần và mọi dũng thần, rồi trao vương quyền lại cho Thiên Chúa là Cha.

[Bản dịch Nhóm Phụng Vụ Giờ Kinh in năm 1998 trang 2145]

[Bản dịch Lời Chúa Cho Mọi Người in năm 2012 trang 1993.]

Nếu so hai bản dịch trên với bản dịch Tin Lành thì xem ra cùng một ý: Đức Maria phải chờ đến ngày Chúa tái lâm - mới được sống lại hay sao? Ngoài ra còn có 3 chữ 'thần' không có trong nguyên bản Latinh hay Hy Lạp nên ta không thể hiểu là những thần nào.

²³ But ^aeach one in his own order: Christ the firstfruits, afterward those *who are Christ's* at His coming. ²⁴ Then *comes* the end, when He delivers ^bthe kingdom to God the Father, when He puts an end to all rule and all authority and power
<https://biblia.com/bible/nkjv/1Cor%2015.23-28>

23 But each in his own turn: Christ, the firstfruits; then, when he comes, those who belong to him.

24 Then the end will come, when he hands over the kingdom to God the Father after he has destroyed all dominion, authority and power.

<http://www.biblestudytools.com/passage/?q=1+corinthians+15:23-28niv>

Bài này đã đăng song sở dĩ tôi viết đi viết lại là bởi vì trước đây tôi đã gióng tiếng chuông song chẳng có hồi âm dù là gián tiếp từ phía học giả nên nhiều anh chị hoang mang:

Họ tin rằng ĐTC Phaolo VI, Gioan Phaolo II & Benedicto XVI **có thể đã dịch đúng** Kinh Thánh, song **chúng khẩu đồng tử** vì mọi học giả đã hiểu như thế, lại có Đức Tin Công Giáo, lại có bằng cấp Kinh Thánh và bản dịch lại được các giám mục có thẩm quyền chuẩn y, thì ta đừng nghi ngờ mà phải tin rằng họ đều **có thể cũng đã dịch đúng. Ai đúng ai sai?**

Tôi chẳng có căn bản thần học, cổ ngữ thì còn mù mờ, lại chẳng có chức thánh và bằng cấp về Kinh Thánh nên nói gì cũng có nhiều vị chẳng tin; có vị còn ra lệnh đừng có ý kiến *hỗn láo* với các cha học giả nữa; có vị email xin tôi *nhè nhẹ thôi* vì Đức Thương Yêu (bởi thế tôi không nói rõ xuất xứ câu trích dẫn song nay vì phải đóng tiền để vào website của họ nên đành trưng tên sách và số trang vì tôi phải chịu trách nhiệm về điều trích dẫn)

Tôi có bốn phen là người Công Giáo thì phải đọc **Nova Vulgata** và tôi TIN vào các ĐTC và Mẹ Hội Thánh. Khi ban hành **Nova Vulgata** ĐTC Gioan Phaolo tuyên phán

(12) *Vì vậy với Tông Hiến này, TA tuyên phán bản Sách Thánh NOVA VULGATA là Bản "editio typica/ bản mẫu mực";*

và TA ban hành Bản này để dùng cách riêng trong Phụng Vụ Thánh, cũng như trong cả các điều thích hợp khác như TA vừa truyền.

(13) *TA cũng truyền rằng Tông Hiến này của TA luôn vững bền, và mãi mãi đủ hiệu lực, và được mọi người liên hệ thành kính tôn trọng cho dù gặp bất kỳ trở ngại nào.*

[**TÔNG HIẾN 'KHO BÁU THÁNH KINH'** của Mẹ Hội Thánh ban hành **Bản Kinh Thánh Mới** mang danh **NOVA VULGATA**

http://www.conggiaovietnam.net/upload/article/f_1410506217.pdf#page=4&zoom=auto,-71,754]

Cũng vậy, tôi xin anh chị tin vào Ba ĐTC. Không một linh mục hay giám mục nào dù có bằng tiến sĩ Kinh Thánh song có Đức Tin, cóƠn Soi Đặc Biệt vì là Chủ Chăn và hiểu biết thần học và tài giỏi cổ ngữ và văn phạm cổ ngữ ngang với ĐTC đầu.

Xin anh chị đừng hoang mang vì nay Mẹ Hội Thánh qua ĐTC Phaolo VI, Gioan Phaolo II & Benedicto XVI, trong Nova Vulgata dạy rằng:

Chính ba câu Kinh Thánh 1COR15:22, 23 & 24 nói rằng Đức Mẹ đã được Chúa Trời đặc biệt cho hôn + xác sống lại thật trước chúng ta.

Thực ra lý do mà các học giả sai lầm về văn phạm và diễn ý mấy câu Corinto trên là vì **Bản Cổ Hy Lạp theo thánh Phaolo viết** không có dấu chấm dấu phẩy rõ ràng nên ông **Robertus Stephanus** khi in bản Sách Thánh **Textus Receptus năm 1551** *sơ xuất đặt dấu chấm* cắt đôi câu Kinh Thánh 1Cor 15:23 ra hai câu 23 và 24 nên anh em Tin Lành và cả Công Giáo chúng ta vô tình đọc theo như vậy và chấp nhận là chân lý.

Vì chấm câu thiếu sót **Textus Receptus 1551** không nói rõ **Đức Mẹ và nhiều vị thánh đã được Đức Chúa Trời đặc cách cho sống lại trước chúng ta** nên chúng ta đã vô tình hiểu sai rằng **Đức Mẹ phải ráng chờ đến ngày tận thế khi Chúa Giêsu quang lâm** để cùng sống lại với chúng ta (!)

Lý do mà **Nova Vulgata** xuất hiện là bởi vì trong nhiều bản dịch Kinh Thánh đã có nhiều sai lầm về cách đặt câu và chấm câu, các ĐTC phải canh cải lại, chỉnh đốn những sai lạc trong bản Kinh Thánh. Nếu các học giả đã chấp nhận **Nova Vulgata** thì các sai lầm đã bị loại bỏ. Thế thôi.

Tôi theo các ĐTC vốn đọc Lời Chúa chẳng sai lầm và theo sát văn phạm mà đọc Thư 1 COR 15: 21-24 , song nếu tôi sai sót hay nói thiếu hay sai lầm chỗ nào xin chỉ giáo. Tôi xin nghe.

MỪNG MÙA PHỤC SINH 2015 VUI TƯƠI

LsNguyenCongBinh@gmail.com

Phần kỹ thuật

Cước chú: Khi dịch Lời Chúa cần theo các quy tắc văn phạm

Lời Chúa được ban cho (viết ra) theo lời loài người. Chiều theo ý của Mẹ Giáo Hội, Chúa chấp nhận dùng tiếng Hy Lạp sau này là Latinh để dạy dỗ và nuôi loài người. Và để cho loài người thấp hèn hiểu được **LỜI** thì **LỜI** là mọi câu **Lời Chúa** được nói ra, viết ra - đã theo đúng quy luật văn phạm, có chấm câu ngắt ý; động tự chia theo thể và thời diễn tả trạng thái và kết quả của hành động.

Phiên dịch Lời Chúa cần theo các quy tắc văn phạm, khía cạnh văn hóa, luật lệ, ý tưởng và tâm tư hoàn cảnh, lịch sử, nhất là kế hoạch Cứu Độ của của lời muốn dịch. Tiếp theo các bài trước, bài này cũng mang những khó khăn nội tại của văn phạm mà ta cần đọc theo Lời Chúa Nova Vulgata của Mẹ Hội Thánh để mà được soi dẫn.

Văn phạm Hy Lạp dù sao là văn phạm loài người và tính theo ngày giờ của trái đất thì Chúa **đã**2 sống lại trọn vẹn trên 2000 năm. Nếu nói theo văn phạm tiếng Nước Trời của CHA và ngày giờ của Nước Trời của CHA thì tôi không đủ khả năng mà chỉ hiểu là thời gian, thời lượng và không gian chẳng còn là yếu tố cần lưu ý đến trên Nước Trời. Tại sao Chúa GiêSu bảo ta ca tụng CHA Trời để kết thúc **Kinh Lạy Cha** với chính Lời của Người với động tự chia theo thời **PRESENT HIỆN TẠI** rằng.

OTICOYECTIN

HBACIAEIA

KAIHΔΥNAMEIC

KAIHΔOZA

EICTOYCAIΩNACAMHN(Matthew 6:13 B)

hoti SOU estin

chính vì thuộc về CHA **estin đang là**

hê BASILEIA

quyền thống trị, quyền làm Vua Nước Trời

kai hê DUNAMEIS

và là quyền uy, sức mạnh

kai hê DOZA

và là vinh quang

eis tous aionas

cho đến thời gian mãi mãi chẳng cùng **AMEN**

dịch thoát **Vì CHA là CHA CỦA CHÚNG CON**

là Vua NƯỚC TRỜI

là CHA uy quyền và là CHA vinh hiển

và là CHA Hằng Sống

cho đến muôn muôn đời. AMEN

Greek perfect tense: $\delta\tilde{\alpha}^2$

I. GREEK VERB TENSES (Intermediate Discussion)

http://www.ntgreek.org/learn_nt_greek/inter-tense.htm

"No element of Greek language is of more importance to the student of the New Testament than the matter of [tense](#). A variation in meaning exhibited by the use of a particular tense will often dissolve what appears to be an embarrassing difficulty, or reveal a gleam of truth which will thrill the heart with delight and inspiration. Though it is an intricate and difficult subject, no phase of Greek grammar offers a fuller reward. The benefits are to be reaped only when one has invested sufficient time and diligence to obtain an insight into the idiomatic use of tense in the Greek language and an appreciation of the finer distinctions in force." ([Dana & Mantey](#), pgs 176-7). These comments by Dana and Mantey are to be taken seriously if the student of the New Testament desires to get any benefit from the study of Greek; this is an area that offers much reward. Never neglect to notice the tense of each Greek verb and note its significance and bearing upon the meaning of each passage.

In English, and in most other languages, the tense of the verb mainly refers to the 'time' of the action of the verb (present, past, or future time). In Greek, however, although time does bear upon the meaning of tense, the primary consideration of the tense of the verb is not time, but rather the 'kind of action' that the verb portrays. The most important element in Greek tense is kind of action; time is regarded as a secondary element. For this reason, many grammarians have adopted the German word 'aktionsart' (kind of action) to be able to more easily refer to this phenomenon of Greek verbs.

The kind of action (aktionsart) of a Greek verb will generally fall into one of three categories:

- 1) **Continuous (or 'Progressive')** kind of action.
- 2) **Completed (or 'Accomplished')** kind of action, with continuing results.
- 3) **Simple occurrence, (or 'Summary occurrence')** without reference to the question of progress. (This is sometimes referred to as 'Punctiliar' kind of action, but it is a misnomer to thus imply that, in every instance, the action only happened at one point of time. This can be true, but it is often dependent on other factors such as the meaning of the verb, other words in the context, etc.).

It is an important distinction to understand, as discussed below, that the only place in which 'time' comes to bear directly upon the tense of a verb is when the verb is in the [indicative mood](#). In all other moods and uses the aktionsart of the verb tense should be seen as primary.

See the chart below for a brief summary of the kind of action shown by each Greek verb tense and its corresponding time of action when it occurs in the indicative mood:

II. THE TENSE READINGS OF THE GREEK NEW TESTAMENT

by Dr. Daniel Steele

http://biblical-theology.net/tense_readings_of_the_greek_new%20testament_.htm

In this age of astonishing scientific progress, when the microscope applied to living tissues reveals whole continents of evidence of design in material life, and marvelously strengthens theism in its evolutionary debate with atheism, we have applied the same instrument to the Greek Testament, with the aid of exegesis, in the interest of disputed truths, and for the refutation of certain doctrinal errors. Our microscope will be directed to a long-neglected field of research of the Greek tenses, not for the purpose of discovering new truths, but for the confirmation and clear elucidation of truths as old as revelation. It is the evident order of Providence that there should be an advance in the evidences of Christianity in its various departments. Hence, Tischendorf, in rummaging the moldy libraries of the Orient, lays open to

the world a manuscript of the New Testament hidden for ages among the lazy, wine-bibbing Greek monks of a Sinaitic convent; and archeologists dig up Nineveh from her long-lost grave, and makes her a swift witness against the doubters of Old Testament history; as Schliemann unearths old Troy to the confusion of those German destructives who, with pipe in mouth, over mugs of beer, were proving to their own satisfaction that Ilium was a myth, and the Iliad a splendid fiction born of the cumulative pooling of myths over successive generations of enthusiastic story tellers wandering over Greece. In the field of exegetics the late advance has been in the most searching grammatical analysis, attending to the accents, the particles, the tenses, and the emphatic order of the words. This results from the greater accuracy of modern scholarship. But most of our standard commentaries were written by annotators trained to disregard the minutiae of the Greek language. But Dean Alford, Bishop Ellicott, and other late sacred scholars, enrich their notes with gems of truth discovered by applying the microscope of modern learning. They call frequent attention to the tenses as conveying important truth. Recent Greek Testament grammarians, such as Winer and the younger Buttmann, indignantly rebuke the blindness of the older annotators to the value of the tenses. Says Winer, the highest authority in the grammar of the Greek Testament, "In regard to the tenses of the verb, Greek Testament grammarians and expositors have exhibited very great misapprehensions. In general, the tenses are employed in the New Testament with exactly the same accuracy as in Greek authors." He then quotes Berthold, as a representative of the slovenly style of treating the tenses, who says, "In the use of the tenses, it is well known that the New Testament writers paid little regard to the rules of grammar." But Winer denies this charge, and asserts that, "strictly and properly, none of these tenses (aorist, imperfect, perfect, and pluperfect) ever stands for another, as commentators pretend." That the English scholar may understand our argument and our illustrations, we will give the following definitions:

The **present tense** denotes what is now going on, and *indicates a continuous, repeated, or habitual action*, as, **I am writing**.

The **imperfect** denotes the same *continuity or repetition in the past*, as, **I was writing**.

"The **aorist** indicative," says Goodwin, "expresses *the simple momentary occurrence of an action in past time*, as, **I wrote**."

The **perfect** denotes *an action as already finished at the present time*, as, **I have written**; my writing is just now finished. It also *expresses the continuance of the result down to the present time*; as the formula "It is written," is literally, it has been written, and implies that it now stands on record; *the door has been shut, that is, it so remains till now*.

The **imperfect** denotes *an act which took place before another past act*.

III. đã^2 Perfect in particular languages

http://en.wikipedia.org/wiki/Perfect_%28grammar%29

Proto-Indo-European

In reconstructions of the [Proto-Indo-European language](#) (PIE), the verb form that has traditionally been called "perfect" in fact signified [stative](#) aspect (a current state of being). The name was assigned based on similarity to the Greek or Latin perfect tense, before the stative nature of the form was fully recognized. For details of its formation, see [Proto-Indo-European verbs](#).

Ancient Greek

The [Ancient Greek](#) perfect developed from the PIE perfect (stative) form; in both cases the stem is typically formed by [reduplication](#). In Greek, however, it took on a true "perfect" meaning, indicating an action with a permanent result.^[6] The effect of the action is seen in the resulting state; this state may belong to either the [subject](#) or the [object](#).^[7] The meaning is therefore similar to the English present perfect, although usage of the Greek perfect is somewhat narrower than in English. Greek also has a [pluperfect](#) and a (compound) [future perfect](#), although their use is rare.

Other verb forms used in Ancient Greek to refer to past circumstances were the [aorist](#), which was used simply to report past events (for example in narrative), and the [imperfect](#).

For details of the formation and use of the Greek perfect, see [Ancient Greek verbs](#) (see also [Ancient Greek grammar: Dependence of moods and tenses](#)). For the (compound) perfect found in modern Greek, see [Modern Greek verbs](#).

Latin

In [Latin](#) the PIE aorist merged with the perfect.^[8] Consequently the Latin perfect tense serves both as a true perfect (meaning, for example, *I have done*), and as a simple [preterite](#), merely reporting a past event (*I did*). It contrasts with the [imperfect](#), which denotes uncompleted past actions or states.

Latin also has pluperfect and future perfect forms. For details of how all of these forms are made, see [Latin conjugation](#).

English

In [English](#), the perfect is made with a form of the [auxiliary verb](#) *have* together with the past [participle](#) of the main verb. The auxiliary can be modified for [tense](#) and [mood](#), and can also appear in [non-finite forms](#) (infinitive, participle or gerund), thus giving rise to a number of constructions which combine perfect [aspect](#) with other verbal properties:

- *I have eaten; he has eaten* ([present perfect](#), generally denoting something that took place prior to the present moment)
- *I had eaten* ([past perfect](#), something that took place prior to a moment in the past)
- *I will have eaten* ([future perfect](#), something to take place prior to a moment in the future)
- *I would have eaten* ([conditional perfect](#), something conceived as taking place in hypothetical past circumstances)
- *...that he have eaten...* (present perfect subjunctive, a rarely used form; see [English subjunctive](#))
- *(to) have eaten* (perfect infinitive)
- *having eaten* (perfect gerund or participle)

The perfect can also be combined with another aspect^[9] that is marked in English – the [progressive](#) (or continuous) aspect. In [perfect progressive](#) (or perfect continuous) constructions, the perfect auxiliary (a form of *have*) is followed by the past participle *been* (from *be*, the auxiliary of the progressive aspect) and the present participle of the main verb. As before, the perfect auxiliary can appear in various tenses, moods and non-finite forms:

- *I have been eating; he has been eating* ([present perfect progressive](#))
- *I had been eating* ([past perfect progressive](#))
- etc.

Perfect aspect (or perfect progressive) can also be combined with the marking of [passive voice](#). Here the participle of the main verb is replaced by the corresponding participle of *be* followed by the past participle of the main verb: *it has been eaten*; *it will have been eaten*; *it has been being eaten*. Perfect progressive passives, as in the last example, therefore involve two consecutive participles of the auxiliary verb *be*; these constructions are rarely used.

The implications of the present perfect (that something occurred prior to the present moment) are similar to those of the [simple past](#). The simple past is generally used when the occurrence has a specific past time frame – either explicitly stated (*I wrote a book in 1995*; *the water boiled a minute ago*), or implied by the context (for example, in the narration of a sequence of events). The present perfect, on the other hand, is used when the assumed time frame lasts up until the present moment: *I have written two novels* (in my lifetime; I am still alive); *You have done no work this morning* (it is still the morning). It is often used to draw attention to the consequences rather than the action: *I've built a tree-house* (the time of building is not important; the focus is on the result, the present existence of the tree-house).^[10]

Perfect progressive forms are used mainly to refer to an action continuing up to (or nearly up to) the time of reference, again with emphasis on its consequences (*we were tired because we had been running*), or its duration (*we have been working for ten hours/since 7 o'clock*). They may express interrupted activities (*I had been writing a novel when she came to talk to me*).^[11]

The perfect infinitive (without *to* in most cases) can be used after [modal verbs](#) with various meanings, chiefly to express [modality](#) with regard to past events: *you should have done that*; *she might have seen it*. With *would* (and sometimes *should* and *could*) it forms a contrary-to-fact past conditional ([conditional perfect](#)),^[12] as in *she would/could have done it if she had tried*.^[13] (These verb forms might not be considered to be truly in the perfect aspect.^[14]) For more information on such constructions, see [English modal verbs](#) (particularly the sections on the individual modals).

For more details on the usage of the various perfect constructions in English, see [Uses of English verb forms](#).

IV Latin perfect tense

Perfect tense **đã**² trong văn phạm Latin tương đối dễ dãi hơn vp văn phạm Hy Lạp nhấn mạnh đến hành động đã xảy ra và hiểu ngầm kết quả đã hoàn thành trọn vẹn. Trong nhiều chỗ NOVA VULGATA có chuyển thể để giải ý Lời Chúa Hy Lạp rõ hơn song vẫn đúng văn phạm Latin

The Latin Perfect Tense by Dr. Richard E. Prior

<http://www.netplaces.com/learning-latin/the-imperfect-and-perfect-tenses/the-perfect-tense.htm>

Perfect Tense

The perfect tense **đã**² can show an action that was completed at the time of speaking (or writing), or it can just make a general reference to something that happened in the past. It is by far the most

Using the Perfect Tense

The perfect tense takes on the role of two original tenses on the aspect chart (**TABLE 3-1**). As the present time completed tense, it stresses the current “doneness” of an action. As the past time aorist aspect tense, it simply refers to something that happened. Those two functions merge to create a tense that denotes a single completed act. The possible translations for the form **vēnē runt** are few:

they came (just once) they did come they have come

The imperfect tense **đã**³ (continuous aspect) and the perfect tense **đã**² (completed aspect) are often contrasted with one another. Here is a sentence that makes the distinction very clear: **Canēs latrā bant cum advē nit.** ("The dogs were barking when he arrived.")

The barking took place over a period of time and was in progress (imperfect **latrā bant**) when the arrival — a single completed act (perfect **advē nit**) — occurred.

V. Past Perfect in English

<http://www.englishpage.com/verbpage/pastperfect.html>

Nếu có giờ xin đọc để hiểu văn phạm Hy Lạp và Anh Ngữ hoàn toàn khác nhau về thời **past perfect tense**. Xem ra có nhiều bản dịch tiếng Việt dựa hoàn toàn vào cách hành văn và văn phạm tiếng Anh có lẽ vì dịch giả không quen văn phạm Hy Lạp